TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ NINH** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **30**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/12/2024
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Hùng

Bà Tống Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa*:** Ông Triệu Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1987;

Nơi thường trú: khu F, xã P, huyện P, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã S, huyện H, tỉnh H.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1984; Địa chỉ: khu F, xã P, huyện P, tỉnh P.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Anh D đăng ký kết hôn ngày 15/01/2009 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh P. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu F, xã P, huyện P, tỉnh P. Đến tháng 9/2022 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do khác biệt quan điểm sống, anh D chơi bời, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần. Đến tháng 6/2024, anh D đánh và lấy

dao dọa chém chị, vợ chồng căng thẳng nên đến tháng 8/2024 chị đã chuyển về sống ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã S, huyện H, tỉnh H. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 26/12/2009 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 30/3/2012. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Anh D trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với quan điểm của chị T đã trình bày về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh. Quan điểm của anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T.

Xử cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Anh D.

Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 26/12/2009 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 30/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh P nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Anh D đăng ký kết hôn ngày 15/01/2009 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh P. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét thấy chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và anh D có những hành vi không tôn trọng chị, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh D. Anh Dũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân và anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Tại Biên bản xác minh ngày 11 tháng 11 năm 2024, chính quyền địa phương cung cấp: Sau khi kết hôn, chị T và anh D chung sống tại địa phương. Quá trình chung sống tại địa phương được biết anh D và chị T có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay chị T đã chuyển đi nơi khác sinh sống còn anh Dũng vẫn sinh sống tại địa phương.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh D không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy chị T yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 26/12/2009 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 30/3/2012. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Dũng đồng ý với yêu cầu xin nuôi con của chị T. Như vậy, cần giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Anh D đều không đề nghị giải quyết vì vậy chưa giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 26/12/2009 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 30/3/2012 cho đến khi các con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chưa giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001316 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh P;
- Lưu VP, HSVA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Việt Hưng